

BÁO CÁO

**tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005
của Ban Bí thư “về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ
sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”**

Thực hiện Công văn số 1174-CV/BTGTU, ngày 11/02/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư “Về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, Ban Thường vụ Huyện ủy A Lưới báo cáo, đánh giá kết quả 15 năm thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW với những nội dung cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng kế hoạch và công tác tuyên truyền

1.1. Tình hình tổ chức học tập, quán triệt

Sau khi Ban Bí thư (khóa IX) ban hành Chỉ thị 50-CT/TW, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành kế hoạch, chương trình hành động và tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt cấp huyện để triển khai học tập, quán triệt các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Chỉ thị. Để tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 36-KH/HU, ngày 20/4/2009 về tổ chức triển khai học tập, quán triệt thực hiện Nghị quyết TW7 (Khóa X) lồng ghép với học tập, quán triệt thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW; ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/HU, ngày 07/3/2009 “về xây dựng đội ngũ trí thức gắn với phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước”.

Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Huyện ủy chủ động triển khai học tập, quán triệt rộng rãi cho cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân trên địa bàn nắm được những quan điểm chỉ đạo, nội dung cơ bản về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giúp các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị và địa phương xác định được mục tiêu, chỉ tiêu và các nhóm giải pháp để tổ chức thực hiện một cách cụ thể, hiệu quả. Hàng năm đưa chỉ tiêu việc ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ và công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các cơ quan, đơn vị.

1.2. Công tác tuyên truyền Chỉ thị 50-CT/TW

Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo, điều hành được thực hiện thường xuyên, bằng nhiều hình thức, phương pháp khác nhau, như: lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các buổi họp cơ quan, sinh hoạt chi bộ, công tác phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền trên hệ thống phát thanh cơ sở, cổ động trực quan, các phương tiện thông tin đại chúng, Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị...

Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Huyện ủy tổ chức Hội nghị báo cáo viên định kỳ tăng cường công tác tuyên truyền các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường. Chỉ đạo các cấp ủy đảng, trước hết là đồng chí bí thư chủ trì, nghiên cứu học tập, quán triệt chỉ thị nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên nắm vững những nội dung cơ bản về phát triển và ứng dụng công nghệ. Chỉ đạo Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của hội viên, đoàn viên về ý nghĩa và tầm quan trọng về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

Qua công tác tuyên truyền, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn được nâng lên. Xác định khoa học và công nghệ nói chung, công nghệ sinh học nói riêng như là công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới, là một trong những động lực quan trọng phát triển kinh tế tri thức, nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế; góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền đôi lúc chưa thật sự sâu rộng; nội dung, phương pháp tuyên truyền chậm đổi mới; đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, nhất là ở cơ sở vừa thiếu vừa hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng tuyên truyền chưa đáp ứng nhu cầu và trình độ ngày càng cao của Nhân dân, tính định hướng, thuyết phục chưa cao.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ giải pháp của Chỉ thị 50-CT/TW

2.1. Về hoàn thiện cơ chế chính sách

Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo Ủy ban Nhân dân huyện, các cơ quan chức năng xây dựng và ban hành nhiều văn bản nhằm thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó chú trọng đến các chính sách thu hút, tăng cường và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư; chính sách ưu đãi nhằm thu hút, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và trọng dụng nhân tài; chính sách khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động chuyển giao và áp dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm gắn kết chặt chẽ công nghệ sinh học với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường công tác quản

lý nhà nước trong lĩnh vực công nghệ sinh học; tập trung xem xét để ban hành quy chế quản lý an toàn sinh học đối với các sản phẩm, hàng hoá có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen, tiến tới thúc đẩy phát triển nhanh và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ sinh học trong sản xuất, kinh doanh.

2.2. Đa dạng hóa đầu tư

Huyện đã xác định việc đầu tư phát triển công nghệ sinh học là một nhiệm vụ ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, huyện luôn chú trọng đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học theo cơ chế thị trường. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động cung ứng các loại giống phục vụ sản xuất nông nghiệp; khai thác, chế biến, nuôi trồng nông - lâm nghiệp; ưu tiên chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới. Khuyến khích phát triển sản phẩm công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống. Tập trung đầu tư phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chỉ đạo ngành Y tế chủ động cung ứng đầy đủ các loại vaccine phục vụ cho chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia; mua sắm dụng cụ hiện đại trong chẩn đoán, điều trị bệnh, xét nghiệm, sản xuất dược; thực hiện có hiệu quả phòng chống các loại dịch bệnh, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn.

Trong 15 năm qua, được sự quan tâm của Trung ương, của tỉnh, ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học - công nghệ nói chung, công nghệ sinh học nói riêng là: 6.695.981.000 đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 4.962.000.000 đồng; ngân sách tỉnh: 91.000.000 đồng; ngân sách huyện: 488.267.000 đồng; nguồn khác: 1.154.714.000 đồng.

2.3. Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng

Công tác nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, kinh doanh được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, từng bước đi vào nền nếp. Quy trình đăng ký, xét duyệt, tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học, các đề tài về ứng dụng công nghệ sinh học được thực hiện chặt chẽ, có tính khả thi.

Trong những năm qua huyện đã hỗ trợ các đề tài về ứng dụng công nghệ sinh học như: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng hiệu quả sản xuất một số cây trồng nhằm nâng cao đời sống đồng bào dân tộc ở miền núi A Lưới”; “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xây dựng mô hình phát triển đàn bò có chất lượng tại huyện A Lưới”; “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sấy dưa, tam tre theo hướng an toàn, chất lượng, vệ sinh sản phẩm tại HTX Niềm tin Trường Sơn”; “Hỗ trợ nhân rộng mô hình sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến nấm Linh chi và nấm

Sò tại xã A Ngo”; “Xây dựng mô hình trồng hoa LyLy”; “Xây dựng mô hình trồng hoa Tu Líp”; “Nghiên cứu tình hình nhiễm giun tròn đường ruột của nông dân huyện A Lưới”...

2.4. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Xác định việc phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là một nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Vì vậy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động số 13-CTrHĐ/HU, ngày 07/3/2009 “*về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước*”. Trong đó, chú trọng việc phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực trên lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, công nghệ sinh học trong sản xuất nông - lâm nghiệp, y tế là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Từ năm 2005 đến nay, huyện đã tuyển dụng 27 lao động có trình độ từ Cao đẳng, Đại học, trong đó 04 Kỹ sư lâm nghiệp, 20 Kỹ sư nông lâm, 03 Cao đẳng thủy lợi.

Về lĩnh vực y tế, toàn huyện có 41 Bác sĩ đa khoa, 10 Bác sĩ chuyên khoa I, 02 Bác sĩ chuyên khoa II, 02 Bác sỹ y dược. Năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ y tế, dược, sinh học của cán bộ, công chức ngành ngày càng được nâng cao; việc ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến tại các trạm y tế ở cơ sở và tại Trung tâm y tế huyện có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng trong công tác khám và chữa bệnh trên địa bàn.

3. Kết quả phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

3.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương đã tham mưu cho huyện nhiều chủ trương, chính sách để từng bước ứng dụng công nghệ sinh học vào quá trình sản xuất nông nghiệp. Nhờ vậy, những năm gần đây, trong lĩnh vực nông nghiệp đã đạt được những kết quả đáng kể.

Huyện đã cung ứng và thí nghiệm trồng giống lúa phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, điều kiện của địa phương vào sản xuất đại trà, đồng thời khuyến khích người dân sử dụng các loại giống có nguồn gốc rõ ràng, kháng hoặc ít nhiễm sâu bệnh, sử dụng giống xác nhận, giống lai có năng suất cao nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích. Theo đó, đã nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn dòng và chọn được Bộ giống lúa chất lượng cao, sử dụng rộng rãi vào sản xuất. Các giống đưa vào sản xuất là giống xác nhận, giống tiến bộ kỹ thuật, được nghiên cứu khảo nghiệm từ 3 vụ trở lên (giống LDA1; giống KH2; giống JO2HG12), năng suất lúa bình quân 55,7 tạ/ha.

Đối với giống ngô - sắn, đã nghiên cứu, khảo nghiệm và chọn được bộ giống ngô, sắn cho năng suất, chất lượng cao, ổn định, ít sâu bệnh và thích nghi với điều

kiện sinh thái và cơ cấu mùa vụ ở địa phương, góp phần tích cực vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn. Trong đó, sản KM94 được người dân đưa vào sản xuất đại trà, phổ biến, tạo việc làm, nguồn thu nhập ổn định cho bà con. Đến nay, năng suất bình quân: sản 165 tạ/ha, ngô 57 tạ/ha, khoai 63 tạ/ha, rau đậu các loại 67 tạ/ha...

Đối với giống vật nuôi, thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng mô hình phát triển đàn bò có chất lượng tại huyện A Lưới, cải tạo đàn bò bằng công tác thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh bò đực giống Zebu thụ tinh nhân tạo với bò cái vàng địa phương. Thực hiện thành công chương trình nạc hóa đàn lợn, đưa giống mới thuần ngoại như Landrace, Yorkshire vào nuôi thích nghi tại địa bàn. Đồng thời, đã chuyển giao và ứng dụng có hiệu quả nhiều giống gia cầm có năng suất chất lượng tốt vào thực tiễn sản xuất như gà Lương Phượng, Tam Hoàng, Lai ri; bảo tồn và phát triển một số giống gia cầm, gia súc địa phương có hiệu quả như lợn rầy, vịt cỏ, bò vàng...

Trên lĩnh vực thủy sản, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành công các giống mới có năng suất, chất lượng cao như cá chép lai 3 máu; cá rô phi đơn tính dòng GIFT; cá trê lai, cá trắm, ếch... Đặc biệt, từ năm 2019, huyện đã triển khai và hỗ trợ “Mô hình nuôi cá Tầm” tại xã Hồng Kim. Kết quả đánh giá mô hình sau gần 1 năm nuôi thử nghiệm, cá sinh trưởng và phát triển tốt (đạt trọng lượng trung bình 1,5 kg/con), phù hợp với điều kiện, khí hậu của địa phương. Đây là nguồn thực phẩm chất lượng cao, có giá trị kinh tế lớn, cũng như tạo ra sản phẩm đặc sản và là mô hình để thu hút du khách tham quan.

Đối với giống cây lâm nghiệp, đã ứng dụng, chuyển giao thành công các giống tiến bộ được sản xuất bằng công nghệ sinh học như, keo lai, cao su, quế... góp phần thúc đẩy nhanh việc trồng rừng thâm canh, đưa năng suất và chất lượng gỗ rừng trồng tăng lên.

Việc ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất phân hữu cơ vi sinh, ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi, phòng chống sâu bệnh có hại đối với cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy hải sản; sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô đã nâng cao chất lượng giống cây lâm nghiệp.

3.2. Trong lĩnh vực y dược

Ngành Y tế sử dụng hiệu quả các loại vaccine trong chương trình tiêm chủng mở rộng phòng chống bệnh ở trẻ em: bệnh bại liệt, uốn ván trẻ sơ sinh, bạch hầu, ho gà, sởi, thủy đậu, rubella, quai bị, viêm gan siêu vi...; đã tiếp cận chuyển đổi một số loại vaccine thế hệ mới: viêm não nhật bản, viêm gan siêu vi B, bệnh dại. Sử dụng các men vi khuẩn sống trong điều trị loạn khuẩn đường ruột. Ứng dụng các KIT chẩn đoán và thiết bị sinh hóa máu phục vụ chẩn đoán bệnh kịp thời.

Với lợi thế là huyện miền núi, có nhiều cây thuốc quý hiếm, nhiều bài thuốc gia truyền hay như: Chữa bỏng, rắn cắn, hạ sốt... đã được ngành y tế bảo tồn và phát triển. Ngành đã làm tốt công tác tuyên truyền cho người dân biết để trồng, chăm sóc và bảo vệ các cây thuốc quý hiếm, nhất là tại 18/18 trạm y tế xã, thị trấn. Công tác điều trị phối kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền ngày càng phổ biến rộng rãi, hệ thống khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền từ huyện đến cơ sở ngày càng được củng cố và từng bước hoàn thiện. Hiện nay, đang thực hiện đề tài khoa học trồng cây Sa nhân thí điểm tại xã Hồng Thủy với diện tích khoảng 2 ha, bắt đầu từ tháng 4/2017 do Trường ĐH Y Dược Huế làm chủ đề tài Trung tâm Y tế huyện phối hợp, hiện cây phát triển tốt.

3.3. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Ứng dụng công nghệ kỵ khí, biogas để xử lý chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Các cơ quan, đơn vị, Bệnh viện, các doanh nghiệp... sử dụng công nghệ vi sinh vật, công nghệ thiết bị hợp khối Biofast để xử lý nước thải sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Xử lý môi trường chăn nuôi bằng công nghệ EM và Biogas có hiệu quả, được nhiều hộ gia đình hưởng ứng, góp phần tận dụng năng lượng tự nhiên và hạn chế ô nhiễm môi trường. Ứng dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo dược và phân bón sinh học vào vùng chuyên canh sản xuất rau, hoa và các loại nấm, dược liệu. Qua đó, từng bước chuyển đổi tập quán sản xuất nặng về phân hoá học sang hữu cơ sinh học, bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho người sản xuất và người tiêu dùng.

Năm 2011 huyện A Lưới đã xây dựng bãi chôn lấp rác thải rắn tại thôn Cấn Sâm, xã Hồng Thượng với diện tích 10.530 m², công tác thu gom và vận chuyển rác được duy trì thường xuyên, trung bình lượng rác đã thu gom vận chuyển hàng tháng 356,5m³ (Rác ép). Hiện nay, huyện đang có kế hoạch điều chỉnh quy hoạch bãi chôn lấp rác thải sang vị trí khác tại xã Hồng Thượng, quy mô khoảng 4ha và tiếp tục thực hiện quy hoạch bãi chôn lấp tại khu chôn lấp phía Tây Nam xã A Roàng khoảng 02ha; khu xử lý chất thải rắn Đông Sơn quy mô khoảng 15-20ha.

4. Đóng góp của công nghệ sinh học trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

4.1. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Từ năm 2005 - 2010, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 13%. Trong đó, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp hàng năm chiếm 39,5%; tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 32,5%; tỷ trọng dịch vụ, du lịch đạt 28%. Lĩnh vực nông - lâm nghiệp tăng trưởng bình quân 11,2%/năm. Thu nhập bình quân đầu người đạt 8 triệu/năm.

Từ năm 2010 - 2015, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt bình quân hàng năm 13,2%. Trong đó, tỷ trọng giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chiếm 52,1%; công nghiệp - xây dựng 36,5%; dịch vụ chiếm 11,4%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 17,6 triệu đồng/năm.

Từ năm 2015 - 2019, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt bình quân hàng năm 12%. Trong đó, tỷ trọng giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chiếm 38,7%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 30,7%; dịch vụ 30,6%. Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người đạt 24,28 triệu đồng.

Do việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đạt được những kết quả quan trọng nêu trên.

4.2. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế

Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học đã góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Trước 2005, tập quán canh tác của bà con trên địa bàn lạc hậu, như: phát, cốt, đốt, tria, đầu tư dàn trải, manh mún, nhỏ lẻ. Từ 2005 đến nay, bà con Nhân dân thực hiện chủ trương, lập vườn, phát triển kinh tế theo hộ gia đình, thực hiện nền kinh tế thị trường, xây dựng kinh tế nhiều thành phần, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi; chuyển đổi từ việc làm nương rẫy sang việc trồng rừng kinh tế, trồng cây công nghiệp...

4.3. Nâng cao đời sống và giải quyết việc làm

Từ sau năm 2005, nhờ việc chuyển giao thành công các giống tiên bộ được sản xuất bằng công nghệ sinh học thì cây keo lai, cao su trở thành cây trồng có giá trị kinh tế, đã có nhiều hộ nông dân bỏ trồng mía, sắn, làm nương rẫy để chuyển sang trồng keo, cao su. Chính vì nhờ việc chuyển đổi cây trồng, hiệu quả kinh tế từ keo, cao su so với các cây trồng khác đều cao hơn, đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế của địa phương, giúp không ít hộ nông dân thoát nghèo. Đặc biệt là trồng rừng kinh tế (keo lai), đã giải quyết công ăn, việc làm cho hàng nghìn lao động ở nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, cụ thể: năm 2005 thu nhập bình quân là 4,5 triệu/người/năm, năm 2010 là 8 triệu/người/năm, đến năm 2019 là 24 triệu đồng/người/năm.

5. Đánh giá chung

Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn huyện đã tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, việc ứng dụng công nghệ sinh học đã đem lại một số kết quả quan trọng như ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất phân hữu cơ vi sinh, phòng chống sâu bệnh có hại đối với cây trồng, vật nuôi; sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô nâng cao chất lượng giống cây lâm nghiệp, ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong lĩnh vực môi trường, ứng dụng công nghệ khí sinh học (Biogas), chế phẩm EM để xử lý ô nhiễm môi trường và

phát điện, ứng dụng công nghệ phân hủy sinh học kỵ khí (UASB) để bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực y tế, sử dụng công nghệ Biofast làm sạch nước thải bằng phương pháp sục ôzone kết hợp với men vi sinh... Từng bước nâng cao tính ổn định, giảm dần tính phụ thuộc vào thời tiết trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao giá trị sản xuất; góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học đã góp phần thay đổi tập quán canh tác của nông dân từ lạc hậu, thủ công thay đổi dần bằng tập quán canh tác hiện đại, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất; sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên, nguồn gốc sinh học, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Về chăn nuôi đã có nhiều chuyển biến và được cải tiến cả về cơ cấu, chất lượng đàn cũng như những thay đổi về phương thức tập quán chăn nuôi.

6. Hạn chế, khó khăn

- Công nghệ sinh học là một lĩnh vực công nghệ cao nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, ứng dụng còn nhiều hạn chế; đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ còn thiếu; những kết quả nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học hiệu quả chưa cao, chưa tìm ra được sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù và thế mạnh của địa phương.

- Việc xây dựng các cơ chế, chính sách cũng như việc bố trí kinh phí nhằm khuyến khích, thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học còn hạn chế; nguồn kinh phí huy động từ Trung ương đến địa phương còn thấp.

- Một số hộ nông dân còn mang nặng tâm lý hoài nghi công nghệ sinh học nên chưa mạnh dạn đầu tư vào sản xuất. Ngoài ra, đời sống của Nhân dân đa số còn nhiều khó khăn nên việc đầu tư áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, chăn nuôi còn hạn chế, chủ yếu nhờ sự hỗ trợ của các chương trình, dự án ngân sách Nhà nước.

- Chưa có chương trình, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ sinh học, kể cả cán bộ quản lý đầu ngành và cán bộ phụ trách trong lĩnh vực này.

- Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm chuyên ngành, thiết bị kỹ thuật của công nghệ sinh học để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội còn thiếu.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2020 – 2030

1. Mục tiêu

Nghiên cứu, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phục vụ tốt nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm nông sản hàng hoá, tăng nhanh tỉ lệ nông -

lâm - thủy sản chế biến; áp dụng rộng rãi công nghệ sinh học trong công tác bảo vệ và khắc phục ô nhiễm môi trường; đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ cao; đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, chủ động được phần lớn các loại giống phục vụ sản xuất nông nghiệp và tự chủ hầu hết các loại vaccine phục vụ cho Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia; khuyến khích phát triển thị trường sản phẩm công nghệ sinh học.

2. Phương hướng

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, công tác vận động quần chúng của Mặt trận và các đoàn thể, sự hưởng ứng của các doanh nghiệp để Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư *“về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”* thực sự đi vào cuộc sống.

- Triển khai ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sinh học vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, y tế, bảo vệ môi trường và công nghiệp chế biến, sản xuất để tạo ra được một số sản phẩm chủ lực, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà.

- Hình thành một số cơ sở công nghệ sinh học vừa và nhỏ nhằm sản xuất, kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ tiêu dùng.

- Đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ cao, làm chủ một số công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Giải pháp

- *Xây dựng cơ chế chính sách*, xây dựng và áp dụng chương trình thu hút, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong lĩnh vực công nghệ sinh học; thu hút các nguồn đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học; có chính sách ưu đãi cho phát triển nhanh các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ trên địa bàn; xây dựng và ban hành văn bản phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong quá trình đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn.

- *Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ*, đầu tư trang thiết bị - công nghệ, xây dựng các phòng thí nghiệm với trang thiết bị hiện đại phục vụ cho nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; triển khai ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- *Tuyên truyền nâng cao nhận thức*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn áp dụng các biện pháp kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi như chọn giống, chế biến thức ăn và phòng trừ dịch bệnh; tuyên truyền, phổ biến các kết quả

nghiên cứu và ứng dụng, công nghệ sinh học vào cuộc sống thông qua các hội thảo, hội nghị, các bài viết, các chương trình phát thanh, trang thông tin điện tử...

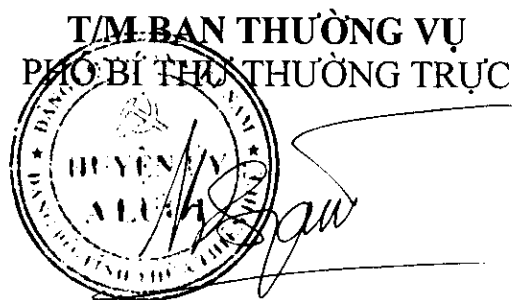
- *Đẩy mạnh triển khai và ứng dụng công nghệ sinh học trên các lĩnh vực: nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên - môi trường, y dược...* Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp; ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải sinh hoạt và sản xuất. Chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý đất bị ô nhiễm, cải tạo những vùng đất bị thoái hóa, hoang hóa. Tăng cường xây dựng các mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác bảo tồn đa dạng sinh học, cụ thể là lưu giữ, bảo tồn các nguồn gen quý của địa phương, các giống loài bản địa có giá trị.

4. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, cho đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, công nghệ sinh học. *Đề nghị*

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, (để b/c)
- BTV Huyện ủy,
- UBND huyện,
- Các Ban Đảng, UBKT, VPHU,
- các TCCS Đảng trực thuộc,
- Lưu VPHU.



Hồ Đàm Giang